

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2014

I. Thông tin chung


1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI – VINACOMIN**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103005779 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 01/11/2004, nay thay đổi thành số 0100101298
- Vốn điều lệ : 25.000.560.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 25.000.560.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8 tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Điện thoại: 04.35180079
- Fax: 04. 38510413
- Website: www.vinacoaltour.vn
- Mã cổ phiếu: DLT

2. Quá trình hình thành và phát triển

Để làm đầu mối nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ công nhân viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đi tham quan, khảo sát thị trường, học tập kỹ thuật, công nghệ nước ngoài, cũng như có điều kiện nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe tái tạo sức lao động và kết hợp đi du lịch, Tổng công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) quyết định thành lập Công ty Du lịch Than Việt Nam và được Bộ Công nghiệp chấp thuận bằng Quyết định số 2778/QĐ- TCCB ngày 25/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

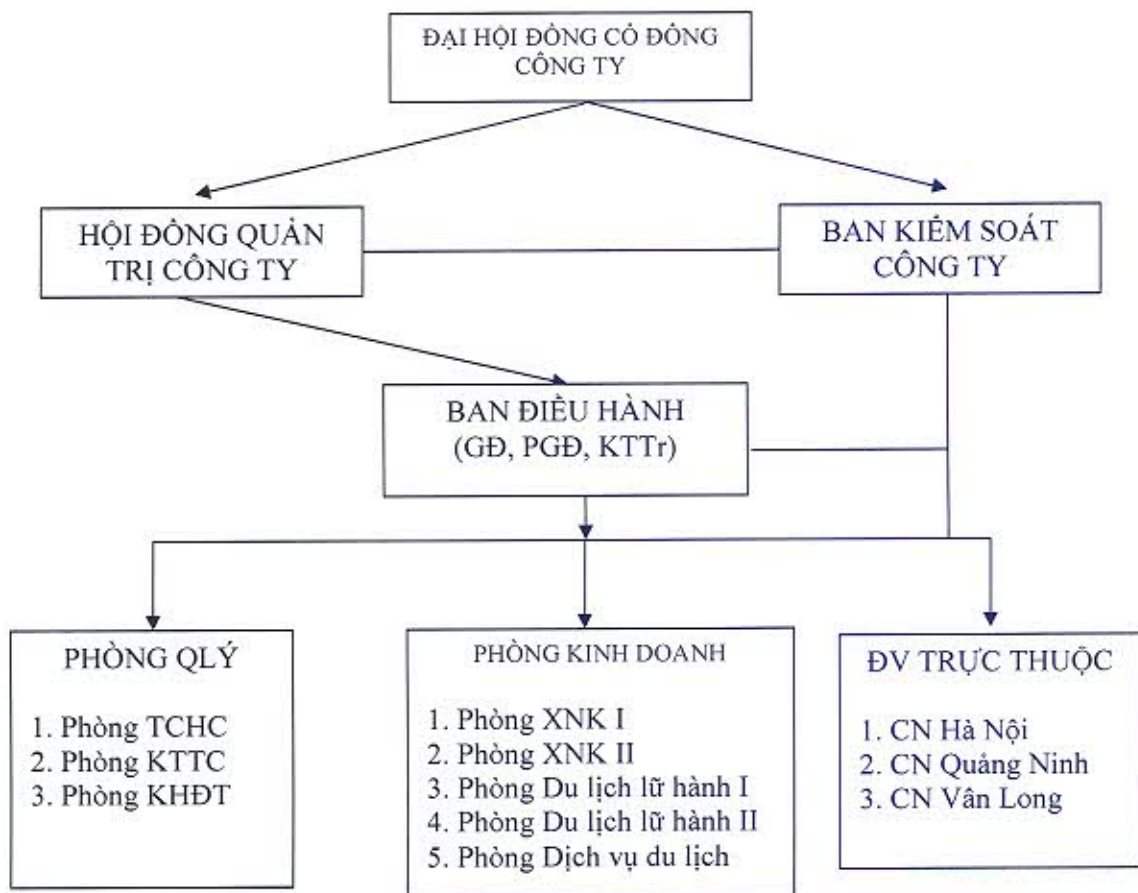
Cuối năm 2001, để đáp ứng tình hình phát triển và mở rộng ngành nghề kinh doanh, Công ty đã đề nghị và được Hội đồng quản trị Tập đoàn TKV cho đổi tên thành Công ty Du lịch và Thương mại (VTTC) theo Quyết định số 1338/QĐ-HĐQT ngày 13/12/2001.

Thực hiện chủ trương chuyển đổi các doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty được cổ phần hoá và chuyển đổi thành Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Than Việt Nam theo Quyết định số 104/2004/QĐ-BCN ngày 30/9/2004. Ngày 26/12/2005 Chính phủ có Quyết định thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, bao gồm Tập đoàn CN Than và Tổng công ty Khoáng sản VN (TKV) sáp nhập vào. Với địa vị pháp lý là một Công ty con của Tập đoàn, Công ty được đổi tên là Công ty CP Du lịch và Thương mại TKV nay là Công ty CP Du lịch và Thương mại - VINACOMIN. 

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh
 - + Kinh doanh thương mại: Nhập khẩu, mua bán trong nước các loại máy móc thiết bị, vật tư khai thác mỏ; các loại hóa chất cho ngành công nghiệp khai khoáng.
 - + Kinh doanh lữ hành du lịch trong và ngoài nước.
 - + Kinh doanh khách sạn: Phòng nghỉ, dịch vụ ăn uống.
 - + Dịch vụ thông quan giao nhận, vận chuyển thiết bị các dự án đầu tư.
 - + Dịch vụ phục vụ văn phòng, quản lý tòa nhà.
 - + Dịch vụ đại lý bán vé máy bay.
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh thành trong nước

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và mô hình quản lý



- Công ty CP Du lịch và Thương mại – VINACOMIN được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của luật doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hiện hành.

- + Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- + Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- + Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bầu, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu

trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

+ Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Các đơn vị thành viên của Công ty

+ Trụ sở chính – Cơ quan Công ty:

Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 04.35180079 Fax: 04. 38510413

Loại hình kinh doanh: Thương mại; du lịch lữ hành; đại lý vé máy bay

+ Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 226 đường Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 04.35180079 Fax: 04. 38510413

Loại hình kinh doanh: Thương mại; dịch vụ phục vụ văn phòng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

+ Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Phố Vườn Đào, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 04.35180079 Fax: 04. 38510413

Loại hình kinh doanh: Thương mại; du lịch lữ hành; khách sạn, đại lý vé máy bay.

+ Chi nhánh Vân Long

Địa chỉ: Số 801 đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 04.35180079 Fax: 04. 38510413

Loại hình kinh doanh: Thương mại; du lịch lữ hành; khách sạn, đại lý vé máy bay.

5. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển đến năm 2020 của công ty: Duy trì sản xuất ổn định, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực chủ đạo là kinh doanh du lịch và thương mại. Tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng hiệu quả kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người lao động, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Cụ thể:

5.1 Mục tiêu kinh doanh du lịch lữ hành:

Tiếp tục đẩy mạnh, phát triển du lịch lữ hành Quốc tế dựa trên nền tảng đã đạt được trong giai đoạn 2005-2014. Đồng thời ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ nhằm đẩy du lịch lữ hành phát triển thành ngành mũi nhọn với tốc độ kinh doanh tăng trưởng cao. Để đạt được mục tiêu trên công tác du lịch lữ hành của Công ty giai đoạn này phải đạt được 3 yêu cầu chủ yếu:

Thứ nhất: Có đội ngũ cán bộ thị trường, hướng dẫn, điều hành, marketing giỏi và thành thạo cả chuyên môn và ngoại ngữ, đảm đương được cả 3 nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ khách du lịch Quốc tế vào Việt Nam (Inbound), khách du lịch Việt Nam tham quan, khảo sát học tập ở Nước ngoài (Outbound) và khách du lịch nội địa.

Thứ hai: Yêu cầu về sản phẩm du lịch: Củng cố xây dựng và phát triển toàn diện với tất cả các loại hình; sản phẩm du lịch phải phong phú, phù hợp cho mọi tầng lớp xã hội trong nước và Quốc tế.

Thứ ba: Phát triển đồng bộ đủ mạnh để cạnh tranh với các Công ty Du lịch trên địa bàn, khu vực, trên phạm vi cả nước kể cả Công ty Du lịch quốc tế 100% vốn nước ngoài và các Công ty liên doanh về kinh doanh du lịch Quốc tế, người Việt Nam đi nước ngoài và người nước ngoài ở tại Việt nam, ngoài lãnh thổ Việt Nam đi tham quan nước thứ ba, du lịch nội địa.

Dự kiến năm 2020 đạt khoản 15.000 lượt khách. Trong đó:

- + Đi nước ngoài: 2.000 người
- + Nội địa: 12.000 người
- + Nước ngoài vào: 1.000 người
- + Doanh thu đạt khoảng: 100 tỷ đồng, GTSX đạt khoảng: 11 tỷ đồng.

5.2 Mục tiêu kinh doanh khách sạn:

Quy hoạch và đầu tư xây mới khu hỗn hợp dịch vụ trong khuôn viên Chi nhánh Vân Long tại thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh bằng hình thức góp vốn liên doanh, liên kết;

Củng cố khách sạn Biển Đông, phối hợp với lữ hành ở Hạ Long, kết hợp đa dạng hóa dịch vụ du lịch mở, địa chất, đảo biển thành trung tâm dịch vụ ăn, nghỉ, hội họp, du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa khu vực Hạ Long - Yên Tử - Cát Bà.

Dự kiến năm 2020 các khách sạn của Công ty có khoảng 100 phòng nghỉ, trong đó có 50 phòng đạt tiêu chuẩn đón khách Quốc tế, hệ số sử dụng phòng đạt 60-70%, với doanh thu kinh doanh khách sạn dự kiến trên 30 tỷ đồng.

5.3 Mục tiêu kinh doanh thương mại:

Tiếp tục bám sát phát huy thế mạnh mặt hàng vật tư truyền thống, nhất là lốp đặc chủng hiệu Michelin, băng tải Dongil... Mặt khác tìm kiếm mặt hàng chiến lược kinh doanh mới tại vùng than Quảng ninh và các khu công nghiệp mới tại khu vực Tây Nguyên, Hà Tĩnh. Tiếp tục làm tốt dịch vụ thông quan, vận chuyển cho các dự án và các công ty con của Tập đoàn TKV. Tiến tới làm đầu mối chính cho Tập đoàn TKV trong dịch vụ xuất khẩu khoáng sản và tham gia nhập khẩu than. Dự kiến doanh thu năm 2020 đạt trên 1.200 tỷ đồng; GTSX đạt trên 80 tỷ đồng.

6. Các rủi ro:

Với nguồn vốn lưu động hạn hẹp, trong khi hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Du lịch lữ hành trong nước và quốc tế, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khách sạn... luôn cần một lượng vốn rất lớn tiền nội tệ và ngoại tệ, để đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn phục vụ kinh doanh, Công ty thường xuyên phải vay vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng. Do đó yếu tố điều hành lãi suất và tỷ giá của Ngân hàng Nhà Nước ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2014, tình hình kinh tế thế giới đã có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức nên mức tăng trưởng kinh tế năm 2014 chậm hơn dự

kiến đầu năm. Ở trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực, lạm phát được kiểm soát, lãi suất giảm mạnh, an sinh xã hội tiếp tục được đảm bảo. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014 của Tập đoàn TKV tương đối ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh than, khoáng sản, điện, hoá chất ... đều đạt trên 100% kế hoạch và tăng so với cùng kỳ, việc làm của người lao động được đảm bảo, tiền lương bình quân hoàn thành kế hoạch và tăng so với cùng kỳ. Điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước nói trên đã tác động tích cực đến quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty.

Bên cạnh đó, với đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh và quản lý; tập thể người lao động đoàn kết, thống nhất cao dưới sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2014 Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Kết thúc năm tài chính 2014, lợi nhuận trước thuế đạt 10,1 tỷ đồng, đạt 153% so với kế hoạch; bảo toàn và phát triển vốn, thặng dư vốn chủ sở hữu 16,6 tỷ đồng; tình hình tài chính Công ty lành mạnh.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Nội dung | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2014 | Thực hiện năm 2013 | Thực hiện 2014 | Tỷ lệ % so với | |
|----------------------------|-------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|----------------|
| | | | | | Kế hoạch | Thực hiện 2013 |
| - Doanh thu | Tr đ | 800.000 | 883.319 | 928.585 | 116% | 105% |
| - Giá trị sản xuất | Tr đ | 69.500 | 105.500 | 127.865 | 184% | 121% |
| - Lợi nhuận | Tr đ | 6.600 | 10.050 | 10.105 | 153% | 101% |
| - Đầu tư XDCB | Tr đ | 800 | 1.911 | 396 | 50% | |
| - Thu nhập bình quân/tháng | Tr đ | 6,99 | 7,89 | 8,64 | 123% | 110% |
| - Cổ tức | % | 12 | 12 | 12 | 100% | 100% |

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành (tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

| | | |
|---|---------------------|----------|
| 1 | Nguyễn Đoàn Trang | Giám đốc |
| 2 | Nguyễn thị Kim Oanh | PGĐ |
| 3 | Trần Tất Thành | PGĐ |
| 4 | Nguyễn Thanh Tùng | PGĐ |
| 5 | Trần Thị Ngọc Uyển | KTT |

* Bà Nguyễn Đoàn Trang - Giám đốc công ty

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1968
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Nhà số 44 ngõ 208 đường Giải phóng - TP Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất, Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---------------------|--|---------------------------------|
| 03/94 - 9/97 | CN Công ty Than Cẩm phả tại Hà Nội | Chuyên viên, phó phòng tổng hợp |
| 10/97 - 07/01 | Công ty Xuất nhập khẩu than Việt Nam | Phó phòng, trưởng phòng XNK 4 |
| 04/02 - 12/04 | Công ty Du lịch và Thương mại Than Việt Nam | Trưởng phòng TM |
| 01/05 - 03/08 | Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Phó Giám đốc |
| 04/08 - 31/12/12 | Công ty CP Du lịch và TM - TKV nay là Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin | Thành viên HĐQT - Phó giám đốc |
| Từ 01/01/13 đến nay | Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin | Thành viên HĐQT - Giám đốc |

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty – Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2014: 12.422 cổ phần
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

*** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/01/1964
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Hồng – Nam Ninh - Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 17 ngách 267/48 Hoàng Hoa Thám - Liễu Giai - Ba Đình - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---------------|--|--------------------------------|
| 10/82 - 02/87 | XN ô tô Cẩm phả - Quảng Ninh | Chuyên viên kế toán |
| 03/87 - 09/94 | Công ty than Cọc 6 - Cẩm phả - Quảng Ninh | Chuyên viên kế toán |
| 10/94 - 11/01 | Công ty than Cọc 6 - Cẩm phả - Quảng Ninh | Phó phòng Kế toán |
| 12/01 - 12/05 | Công ty Du lịch và TM Than Việt Nam | Kế toán trưởng |
| 01/06 - 03/08 | Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Phó giám đốc |
| 04/08 đến nay | Công ty CP Du lịch và TM - TKV nay là Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin | Thành viên HĐQT - phó giám đốc |

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty – Phó Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 5.254 cổ phần
- Các khoản nợ với Công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

*** Ông Trần Tất Thành - Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/01/1973
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Chính Nghĩa – Kim Động – Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: P1B nhà 25 T/Thế Nhà Dầu, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|--|-----------------------------------|
| 1993-11/1998 | Công ty TNHH Hải Âu | Nhân viên |
| 2/99 – 8/2000 | K/S Tư nhân tại Hà Nội | Nhân viên |
| 9/2000 – 1/2001 | K/S Biển đông – QN | Nhân viên |
| 02/2001 - 1/2003 | K/S Biển đông – QN | Trợ lý giám đốc |
| 2/2003 – 3/2004 | K/S Biển đông - Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Phó giám đốc |
| 4/2004 – 4/2005 | K/S Biển đông - Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Giám đốc |
| 5/2005 – 12/2005 | Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Phó giám đốc |
| 1/2006 -8/2010 | Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Thành viên HĐQT, Giám đốc CN |
| 9/2010 đến nay | Công ty CP Du lịch và TM - TKV nay là Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Cty |

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty – Phó Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 5.016 cổ phần
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

*** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/04/1973
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tân Phúc – huyện Ân Thi – tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Số 1/34/17 ngõ 01 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ, kỹ Sư Kinh tế
- Quá trình công tác:



| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------------|--|------------------|
| 10/1996-9/1997 | CN Cty Than Cẩm Phả tại Hà Nội | Chuyên viên |
| 10/1997 – 02/2002 | Công ty Xuất nhập khẩu than | Chuyên viên |
| 03/2002 – 07/2002 | Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Chuyên viên |
| 08/2002 – 12/2004 | Công ty CP Du lịch và TM - TKV | P.phòng TM |
| 01/2005 – 10/2005 | Công ty CP Du lịch và TM - TKV | Tr.phòng TM |
| 11/2005 – 04/2013 | Công ty CP Du lịch và TM - TKV nay là Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin | Tr. phòng XNK I |
| 05/2013 đến nay | Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin | Phó Giám đốc Cty |

- Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 11.226 cổ phần
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

*** Bà Trần Thị Ngọc Uyển – Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/04/1966
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Phòng A902, CT5A, Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|--|---------------------|
| 1/1988 - 01/1993 | Nhà máy cơ khí Trung tâm Cẩm Phả | Chuyên viên kế toán |
| 02/1993 - 7/1997 | Nhà máy bia — Cty Bia Cẩm Phả | Chuyên viên kế toán |
| 8/1997 - 01/2002 | Nhà máy bia — Cty Bia Cẩm Phả | Phó phòng kế toán |
| 2/2002 - 9/2002 | Công ty Du lịch và Thương mại | Chuyên viên kế toán |
| 10/2002- 12/2005 | Công ty Du lịch và Thương mại -TKV | Phó phòng kế toán |
| 1/2006- đến nay | Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin (trước là công ty CP Công ty Du lịch và Thương mại TKV) | Kế toán trưởng |

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 4.059 cổ phần
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2014, trong ban điều hành Công ty không có sự thay đổi nhân sự.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Trong năm 2014 lao động bình quân của Công ty là 290 người, giảm 3 người so với năm 2013.

- Chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách tiền lương, tiền công: Tiền lương trả cho người lao động thực hiện trên nguyên tắc làm việc gì, giữ chức vụ gì, đóng góp ở mức độ nào thì hưởng theo công việc và mức độ đó. Công ty thực hiện trả lương cho cán bộ công nhân viên theo quy chế quản lý và sử dụng quỹ tiền lương.

+ Chính sách khen thưởng: Tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên được thực hiện trên nguyên tắc dân chủ, công khai và căn cứ vào thành tích của người lao động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty thực hiện khen thưởng theo quy chế thi đua, khen thưởng của Công ty.

+ Các chính sách khác: Ngoài ra công ty còn có chính sách đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên; nghỉ dưỡng hàng năm, bảo hộ lao động; quy chế sử dụng quỹ phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2014, Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn (*dự án lớn nhất có tổng mức đầu tư được duyệt và giá trị thực hiện là 397,1 triệu đồng*).

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

DVT: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng/giảm |
|--|-----------------|-----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 324.301.742.949 | 381.360.344.592 | 17,59% |
| Doanh thu thuần | 883.319.743.282 | 928.585.857.576 | 5,12% |
| Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | (4.803.288.585) | (9.549.401.663) | (98,81%) |
| Lợi nhuận khác | 14.854.001.413 | 19.655.099.150 | 32,32% |
| Lợi nhuận trước thuế | 10.050.712.828 | 10.105.697.487 | 0,55% |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.928.028.082 | 7.857.660.381 | 13,42% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 33,7% | 37,8% | 12,16% |

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Ghi chú |
|---|------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn) + Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn | 1,05 lần 0,79 lần | 1,05 lần 0,71 lần | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu + Hệ số nợ/Tổng tài sản + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,87 lần 7.15 lần | 0,89 lần 8.10 lần | |
| 3. Chỉ tiêu và năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/hàng tồn kho bình quân) + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 6,73 lần 2,70 lần | 6,63 lần 2,43 lần | Giá vốn bán hàng hóa |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,78% 17,44% 2,14% -0,54% | 0,85% 18,86% 2,06% -1,03% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2.500.056 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 2.500.056 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu thường
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.500.056 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không có

5.2 Cơ cấu cổ đông

+ Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

| STT | Cổ đông | Tỷ lệ góp vốn | Cổ phần |
|-----|--|---------------|-----------|
| 1 | Cổ đông lớn: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 67,87% | 1.696.958 |
| 2 | Cổ đông nhỏ: Các cá nhân | 32,13% | 803.098 |

+ Phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

| STT | Cổ đông | Tỷ lệ góp vốn | Cổ phần |
|-----|--|---------------|-----------|
| 1 | Cổ đông tổ chức: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 67,87% | 1.696.958 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 32,13% | 803.098 |

+ Phân theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài:

| STT | Cổ đông | Tỷ lệ góp vốn | Cổ phần |
|-----|--------------------|---------------|-----------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 100% | 2.500.056 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0% | 0 |

+ Phân theo tiêu chí cổ đông nhà nước, cổ đông khác:

| STT | Cổ đông | Tỷ lệ góp vốn | Cổ phần |
|-----|---|---------------|-----------|
| 1 | Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 67,87% | 1.696.958 |
| 2 | Cổ đông khác | 32,13% | 803.098 |

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2014, được sự đồng ý của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Công ty CP Du lịch và Thương mại - VINACOMIN đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Số lượng cổ phần phát hành là 550.259 cổ phần; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Sau khi phát hành Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tăng từ 19.497.970.000 đồng lên 25.000.560.000 đồng.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty CP Du lịch và Thương mại - VINACOMIN không có cổ phiếu quỹ; năm 2014 không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5 Các chứng khoán khác: Công ty CP Du lịch và Thương mại - VINACOMIN không có các cổ phiếu khác; năm 2014 không có giao dịch cổ phiếu khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tình hình chung, những khó khăn và thuận lợi:

a. Thuận lợi:

Trong nước: Hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực, lạm phát được kiểm soát, lãi suất vay vốn giảm.

Tập đoàn TKV: Vẫn tiếp tục đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp công suất và xây dựng các mỏ mới. Song song triển khai các dự án Bauxit – Nhôm, Alimin, điện, cơ khí, vật liệu nổ công nghiệp.

Công ty đẩy mạnh kinh doanh đại lý vé máy bay đã góp phần làm tăng doanh thu, giúp mảng kinh doanh du lịch lữ hành chủ động hơn về dịch vụ và giảm giá thành.

Có đội ngũ CBCNV đã có bề dày kinh nghiệm, chuyên nghiệp, linh hoạt và đoàn kết, thống nhất cao dưới sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

b. Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi trên thì Công ty gặp phải những khó khăn, thách thức lớn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Thị trường kinh doanh cả du lịch và thương mại bị cạnh tranh và chia sẻ; hàng tồn kho của Công ty luôn tồn với giá trị lớn; hai khách sạn đã hoạt động nhiều năm nay xuống cấp nghiêm trọng nên phải tập trung đầu tư, sửa chữa... làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty.

1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

a. Các chỉ tiêu tổng hợp:

- Doanh thu: 928,5 tỷ đồng, đạt 116% KHDH, bằng 105% so CK;
- GTSX: 127,8 tỷ đồng, đạt 184% KHDH, bằng 121 % so CK;
- LN: 10,1 tỷ đồng, đạt 153% KHDH, bằng 101% so CK.
- Tiền lương bq: 8,64 triệu đồng/ người/ tháng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 396 triệu đồng.
- Cổ tức: Chi trả 12%/ vốn điều lệ

b. Đánh giá từng bộ phận kinh doanh:

b.1. Kinh doanh du lịch:

*Kinh doanh du lịch lữ hành:

Hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành còn gặp nhiều khó khăn, sự cạnh tranh giữa các Công ty du lịch trong và ngoài ngành vẫn gay gắt, quyết liệt, đôi khi còn thiếu lành mạnh. Tình hình căng thẳng tại Biển Đông và khủng hoảng chính trị tại Thái Lan đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến kinh doanh của lĩnh vực này. Tuy vậy, Công ty đã có nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt, như: CBCN bộ phận du lịch vẫn không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, ứng biến linh hoạt với tình hình biến động của giá cả và yêu cầu của khách hàng. Đồng thời cố gắng tiếp thị, mở rộng thị trường ngoài ngành ... Mặt khác, Công ty đã phát động nhiều chiến dịch động viên khích lệ CBCN làm du lịch thi đua phấn đấu đạt thành tích, nâng cao doanh thu. Kết quả: Doanh thu đạt: 93,7 tỷ đồng, bằng 151% so với KH và bằng 156% so với CK; GTSX: 9,8 tỷ đồng, bằng 144% so với KH và bằng 152% so với CK. Tỷ lệ GTSX/ doanh thu đạt được 10,6%.

*Kinh doanh khách sạn:

Hai khách sạn Biển Đông và Vân Long được đầu tư và đưa vào sử dụng trong một thời gian dài nay đã xuống cấp, Công ty đã tiến hành đầu tư sửa chữa, mua sắm các trang thiết bị nhằm cải thiện về cơ sở hạ tầng, vật chất nâng cao chất lượng phục

vụ. Trong năm 2014, do tác động của sự kiện tại Biển Đông khách du lịch Trung Quốc dừng vào Việt Nam đã tác động lớn đến công suất sử dụng phòng, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh mảng khách sạn của Công ty, cụ thể:

Kinh doanh khách sạn năm 2014, đạt: 13,5 tỷ đồng, bằng 72% KH, bằng 85% CK; GTSX đạt 8,3 tỷ đồng, bằng 89% KH, 86% CK. Công suất sử dụng phòng đạt: 34%.

b.2 Kinh doanh thương mại:

Mảng kinh doanh này vốn là thế mạnh của Công ty, chiếm đến 90% doanh thu của Công ty nhưng trong năm 2014 cũng đã thực sự gặp khó khăn: Thị trường lớp bị cạnh tranh và chia sẻ thị phần với công ty tư nhân khác; luôn phải có mặt hàng dự trữ thường xuyên cao; một số thị trường kinh doanh xa trụ sở Công ty gây hạn chế trong điều hành và tăng chi phí kinh doanh. Tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chỉ đạo và sát cánh cùng CBCNV kinh doanh thương mại bám sát thị trường để kịp thời nắm bắt nhu cầu của khách hàng. Do đó, năm 2014 doanh thu kinh doanh thương mại toàn Công ty đã đạt: 800,3 tỷ đồng, bằng 113% so KH bằng 101% so CK; GTSX: 99,5 tỷ đồng, đạt 229% KH và bằng 126% so CK.

b.3 Kinh doanh khác:

- Công tác phục vụ Cơ quan Tập đoàn TKV: Chi nhánh Hà Nội – đơn vị được phân công thực hiện dịch vụ phục vụ Cơ quan Tập đoàn TKV, trong năm 2014 vẫn luôn thực hiện tốt công tác bảo vệ tài sản, sắp xếp, kiểm soát trật tự tại Cơ quan Tập đoàn TKV; đảm bảo vệ sinh, cải thiện ăn uống, thực hiện tốt khâu lễ tân đón tiếp khách tại Cơ quan Tập đoàn ở hai khu vực Hà Nội và Hạ Long. Doanh thu : 9,4 tỷ đồng, đạt 102% so KH.

1.3 Công tác đầu tư:

Công trình đầu tư được thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng với các quy định của nhà nước, Tập đoàn và Công ty. Tổng giá trị thực hiện năm 2014 là 396 triệu đồng. Cụ thể:

+ Đầu tư mua máy giặt phục vụ sản xuất kinh doanh, giá trị 396 triệu đồng (bao gồm cả VAT).

Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn quan tâm thường xuyên công tác sửa chữa, cải tạo các khách sạn để đảm bảo cơ sở vật chất, nâng cao năng lực phục vụ sản xuất kinh doanh.

1.3 Công tác quản lý:

Công tác quản lý toàn Công ty vẫn luôn được củng cố và giữ được nền nếp. Báo cáo, phân tích, đánh giá kịp thời từng mảng kinh doanh; Kiểm soát và quản trị chi phí, công nợ, sử dụng nguồn vốn an toàn, hợp lý và hiệu quả; Rà soát sửa đổi, bổ sung kịp thời các Quy chế, Quy định phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế; Củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và kinh doanh; Tham mưu kịp thời cho Lãnh đạo Công ty để chỉ đạo điều hành Công ty hoàn thành kế hoạch Đại hội cổ đông giao, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.



2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

| <i>Đơn vị tính : Đồng</i> | | | |
|---------------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| TT | Nội dung | Năm 2013 | Năm 2014 |
| I | Tài sản ngắn hạn | 289.328.307.464 | 347.418.689.195 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 66.703.419.245 | 58.090.937.735 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 145.578.717.548 | 171.461.465.095 |
| 4 | Hàng tồn kho | 71.832.150.635 | 113.725.691.754 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 5.214.020.036 | 4.140.594.611 |
| II | Tài sản dài hạn | 34.973.435.485 | 33.941.655.397 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | | |
| 2 | Tài sản cố định | 10.927.338.063 | 9.176.308.754 |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 10.755.896.422 | 9.079.997.665 |
| | - Tài sản cố định vô hình | 171.441.641 | 96.311.089 |
| | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | |
| 3 | Bất động sản đầu tư | | |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 24.046.097.422 | 24.515.131.365 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 324.301.742.949 | 381.360.344.592 |

Tổng tài sản năm 2014 tăng 17,59% so với năm 2013 là do chủ yếu các khoản sau:

- + Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 8.612 triệu đồng.
- + Phải thu ngắn hạn tăng 25.883 triệu đồng: Cuối năm Công ty đẩy mạnh bán hàng, cung cấp các dịch vụ cho các Công ty trong Tập đoàn TKV để phục vụ khai thác Than và đã được thanh toán trong quý I/2015.
- + Hàng hóa tồn kho tăng 41.893 triệu đồng: Căn cứ nhu cầu vật tư tiêu thụ thường xuyên trong khai thác Than của các Công ty trong Tập đoàn TKV. Công ty đã chuẩn bị nguồn hàng (nhất là các vật tư phải nhập khẩu) để cung cấp cho khách hàng trong các tháng đầu năm 2015.
- + Tài sản ngắn hạn khác giảm 1.073 triệu đồng: Do thuế GTGT hàng nhập khẩu chờ khấu trừ tăng 262 triệu đồng; Chi phí trả trước ngắn hạn tăng 229 triệu đồng; thuế nhập khẩu thanh toán trước khi hàng hoá được thông quan giảm 1.632 triệu đồng.
- + Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo thời gian hữu ích của tài sản và phù hợp theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán, phần mềm báo cáo quản trị nội bộ, phần mềm kinh doanh trực tuyến quản trị hàng không về bán vé máy bay và Website Công ty.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính : Đồng

| TT | Nội dung | Năm 2013 | Năm 2014 |
|-----------|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 273.885.448.117 | 331.291.057.592 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 54.372.907.507 | 95.739.548.056 |
| 2 | Phải trả người bán | 171.487.084.549 | 162.684.062.176 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 31.461.380 | 28.278.812.475 |
| 4 | Thuế phải nộp NSNN | 4.337.472.910 | 833.535.302 |
| 5 | Phải trả người lao động | 10.218.421.223 | 7.185.771.855 |
| 6 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 6.973.934.986 | 8.706.892.305 |
| 7 | Các khoản phải trả khác | 26.464.165.562 | 27.862.435.423 |
| II | Nợ dài hạn | 10.378.717.413 | 8.185.167.733 |
| 1 | Vay dài hạn | 10.378.717.413 | 8.185.167.733 |
| 2 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | |
| | TỔNG CỘNG NỢ | 284.264.165.530 | 339.476.225.325 |

Tổng nợ phải trả năm 2014 tăng 19,42% so với năm 2013 chủ yếu do các khoản sau:

+ Các khoản vay và nợ ngắn hạn tăng 41.367 triệu đồng: Với đặc thù kinh doanh thương mại nhất là nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị đặc chủng cho khai thác mỏ trong nước chưa sản xuất được, Công ty luôn phải có nguồn vốn lưu động lớn để chuẩn bị hàng hóa khi khách hàng yêu cầu. Cuối năm 2014 hàng hóa nhập khẩu dự kiến cung cấp cho khách hàng trong quý I năm 2015 về đến cảng, Công ty đã vay Ngân hàng thanh toán cho các nhà xuất khẩu.

+ Phải trả người bán giảm 8.803 triệu đồng: Do Công ty đã thanh toán cho các Hợp đồng nhập khẩu hàng hoá đến hạn.

+ Người mua trả tiền trước tăng 28.247 triệu đồng: Khách hàng tạm ứng trước tiền mua hàng cho các Hợp đồng được ký kết trong năm 2015 nhưng có thời hạn giao hàng trong năm 2015.

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng 1.733 triệu đồng: Do công ty trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2014.

+ Các khoản phải trả khác giảm 1.398 triệu đồng: Chủ yếu do Công ty trả cổ tức và phí thương hiệu Vinacomin năm 2013 cho Tập đoàn TKV (công ty mẹ).

+ Khoản vay dài hạn giảm 2.193 triệu đồng: Trong năm Công ty đã trả gốc vay dài hạn cho Tập đoàn TKV theo kế ước vay vốn đã cam kết.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có điều chỉnh lớn trong năm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015:

a. Mục tiêu:

Mục tiêu năm 2015 là nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm tối đa chi phí, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các mặt quản lý – đặc biệt là cơ chế điều hành khi Tập đoàn TKV chỉ còn nắm giữ 36% vốn điều lệ; điều chỉnh cơ chế khoán cho phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh đã ký với Tập đoàn TKV, đảm bảo cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.

b. Nhiệm vụ: Công ty đề ra mục tiêu kế hoạch điều hành năm 2015 là:

- Doanh thu: 900 tỷ đồng
- GTSX: 100 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 7,5 tỷ đồng
- Tiền lương bình quân: 7,63 triệu đồng/người/tháng.
- Cổ tức: 14%
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 5.500 triệu đồng.

4.2 Các giải pháp thực hiện:

a. Về sản xuất kinh doanh:

* Kinh doanh Du lịch:

Năm 2015 để duy trì mức ổn định và tăng trưởng hơn so với 2014, Công ty tiếp tục tập trung khai thác tối đa thị trường trong ngành, phát triển mạnh bán lẻ ngoài ngành, tăng cường tiếp thị, khảo sát, xây dựng sản phẩm mới đa dạng, tạo tính hấp dẫn, đáp ứng được thị hiếu khách hàng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp hóa đội ngũ làm lễ hành; chào bán tour trực tuyến trên Website Công ty để triển khai đón khách Inbount. Đây mạnh kinh doanh đại lý vé máy bay. Tập trung khai thác tốt giá vé đầu vào (đặc biệt là vé giá rẻ) của các hãng hàng không. Nghiên cứu, phân tích thị trường một cách có hệ thống để có hướng xử lý thông tin nhanh, kịp thời đáp ứng được yêu cầu kinh doanh. Nâng cao tính chuyên nghiệp, thực hiện tốt sự phân công thị trường, phối hợp giữa các chi nhánh để nâng cao hiệu quả kinh doanh và thương hiệu Công ty.

Tiếp tục khai thác dịch vụ đầu vào của các đối tác mới (cả trong nước và nước ngoài), đảm bảo uy tín và chất lượng; đàm phán, ký hợp đồng nguyên tắc ngay từ đầu năm để giảm giá thành dịch vụ du lịch.

Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng phục vụ ăn uống, buồng phòng. Tăng cường tiếp thị để thu hút khách ăn, nghỉ tại khách sạn trong tình hình khó khăn hiện nay nhằm đẩy mạnh doanh thu khách sạn. Chú ý đến công tác sửa chữa thường xuyên để luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ.

* Kinh doanh thương mại:

Tiếp tục bám sát nhu cầu sử dụng lóp, xút (NaOH) và vật tư, thiết bị của các đơn vị trong ngành để có giải pháp kinh doanh, giành lại thị trường, tăng thị phần, quyết liệt giảm tồn kho. Bên cạnh đó, cũng không ngừng phát triển, mở rộng thị trường mới, mặt hàng mới, tiềm năng. Đặc biệt chú trọng đến thị trường các đơn vị khai thác hầm lò, các dự án mở rộng sản xuất trong Tập đoàn TKV.

Tích cực bám sát thị trường Băng tải tại các đơn vị chưa sử dụng băng tải Dongil để cung cấp hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, đặc biệt chú ý đến một số dự án các tuyến Băng tải Tập đoàn TKV sẽ triển khai đầu tư trong thời gian tới.

Tiếp tục thực hiện tốt dịch vụ vận chuyển than, alumin; nắm chắc nhu cầu vật tư, hóa chất để chuẩn bị tốt chân hàng phục vụ cho hai dự án tại Lâm Đồng và Nhân Cơ.

Bám sát các dự án mới của Tập đoàn TKV như dự án điện, dự án khoáng sản... để nhận thực hiện dịch vụ thông quan, vận chuyển và giao nhận; chuẩn bị các điều kiện để đẩy mạnh kinh doanh Xăng dầu và vật tư thiết bị tại Công ty Sắt Thạch Khê và Cromit Cổ Định.

Lập đề án và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia làm dịch vụ nhập khẩu than cho Tập đoàn TKV.

b. Công tác đầu tư:

Triển khai đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo kế hoạch đầu tư năm 2015 là 5,5 tỷ đồng, trong đó ưu tiên triển khai trước các hạng mục nhằm nâng cao năng lực kinh doanh của Công ty, tập trung vào các mục tiêu sau:

- Đầu tư xưởng vật liệu vá lốp cho Cơ quan Công ty tại Quảng Ninh: 3 tỷ đồng.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho hai khách sạn Vân Long và Biển Đông: 500 triệu đồng.

- Đầu tư 01 xe 7 chỗ gầm cao 2 cầu phục vụ điều hành kinh doanh Cơ quan Công ty: 1,2 tỷ đồng.

- Lập dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp cao tầng khách sạn Vân Long: 500 triệu đồng.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị toàn Công ty: 500 triệu đồng.

c. Công tác quản lý:

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện phương pháp giao khoán đến từng đơn vị, bộ phận kinh doanh; kết thúc tháng, quý có phân tích đánh giá, nhằm phát hiện các chi phí bất hợp lý để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Áp dụng triệt để, linh hoạt phần mềm điện tử nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các chế độ, chính sách mới của Nhà Nước, các quy định của pháp luật để ban hành mới, hoặc sửa đổi bổ sung các quy chế kịp thời phù hợp với mô hình tổ chức quản lý của Công ty sau khi Tập đoàn thoái vốn và tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động SXKD của toàn Công ty.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức, tinh giản bộ máy cho phù hợp với tình hình SXKD hiện nay. Đổi mới lề lối làm việc, khắc phục kịp thời những hạn chế, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (nhất là lực lượng lao động trẻ) trong toàn Công ty, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường.

Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận kinh doanh để thu hồi công nợ một cách triệt để, hạn chế tối đa việc phát sinh nợ quá hạn, bảo toàn và phát triển vốn.

xuyên nắm bắt thông tin và phân tích sự biến động của tỷ giá, xu hướng giá cả thị trường, lãi vay ngân hàng, kiểm soát công tác tài chính, kế toán toàn Công ty để hạn chế rủi ro.

d. Tổ chức thực hiện:

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015, trước hết mỗi CBCNV, mỗi bộ phận trong Công ty cần chủ động xây dựng cho mình một kế hoạch hành động cụ thể, phát huy tối đa sức mạnh của sự đoàn kết và tiềm năng sáng tạo, phấn đấu nâng cao hiệu quả kinh doanh và thu nhập cho người lao động.

5. Giải trình của ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Công ty không có ý kiến gì với ý kiến của kiểm toán.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong bối cảnh nền kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi, lạm phát được kiểm soát, lãi suất vay vốn giảm, nhưng vẫn còn nhiều yếu tố tiêu cực tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như : Sự kiện trên Biển Đông, bất ổn chính trị tại Thái Lan, biến động tỷ giá hối đoái, hàng tồn kho tăng cao. Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty đã không ngừng cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn, áp lực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch và đảm bảo tỷ lệ cổ tức 12% Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.

Công ty CP Du lịch và Thương mại - VINACOMIN đang từng bước khẳng định thương hiệu là một trong những “Công ty hàng đầu tại Việt Nam chuyên về lĩnh vực cung cấp vật tư, thiết bị khai thác mỏ, du lịch lữ hành, Logistics có chất lượng cao, thân thiện với môi trường và có uy tín trong nước và quốc tế.”

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá trong năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong công tác quản lý điều hành Công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc và cán bộ các phòng ban trong toàn Công ty đã có nhiều nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được trình bày tại phần III nêu trên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, phát huy những thành công đã đạt được, Hội đồng quản trị Công ty xây dựng mục tiêu, phương hướng hoạt động năm 2015, như sau:

a. Mục tiêu:

- Xây dựng Công ty ổn định và phát triển trên nhiều lĩnh vực, trong đó chủ đạo vẫn là kinh doanh du lịch và thương mại; nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng

ạnh tranh, uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế; phấn đấu tăng các chỉ tiêu cơ bản như: doanh thu, giá trị sản xuất, lợi nhuận.

- Đầu tư xây dựng khu hỗn hợp dịch vụ tại chi nhánh Vân Long nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, năng lực hoạt động Chi nhánh nói riêng và củng cố quy mô, vị thế của Công ty nói chung.

- Đưa lĩnh vực kinh doanh du lịch (lữ hành, khách sạn, vé máy bay) lên thành ngành mũi nhọn trong chiến lược phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

- Củng cố, phát triển thị trường và mặt hàng chủ lực trong kinh doanh thương mại để đảm bảo duy trì kết quả SXKD của Công ty ổn định và phát triển.

b. Định hướng

- Đảm bảo sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên, hiệu quả đối với mọi mặt hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của pháp luật.

- Duy trì cơ chế hoạt động của Công ty theo mô hình là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2015, nghiên cứu việc sửa đổi Điều lệ, hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ cho phù hợp quy định của pháp luật để đảm bảo vai trò chi phối của Tập đoàn TKV trong điều kiện Tập đoàn còn nắm giữ 36% vốn cổ phần của Công ty.

- Xây dựng phương án hợp lý để thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, có cùng mục tiêu phát triển kinh doanh góp vốn liên doanh đầu tư vào dự án xây dựng khu hỗn hợp dịch vụ tại chi nhánh Vân Long.

- Phê duyệt và chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư nâng cao năng lực, mở rộng phạm vi kinh doanh như: Xưởng vật liệu vá lốp, mua xe ô tô phục vụ kinh doanh, đầu tư các phần mềm công nghệ thông tin phục vụ quản lý, bán hàng... phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

- Bám sát quá trình triển khai kế hoạch SXKD, quản lý điều hành các hoạt động của Ban lãnh đạo Công ty và đơn vị để kịp thời đưa ra những giải pháp chỉ đạo cụ thể, nhằm hoàn thiện toàn diện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

- Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu tổ chức sản xuất, đào tạo, tuyển dụng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý và kinh doanh để đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ hàng năm và chiến lược phát triển của Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

| S T T | Hội đồng quản trị | Chức danh | Tỷ lệ cổ phần biểu quyết | Số lượng cổ phần | Ghi chú |
|-------------|------------------------|-----------|--------------------------|------------------|--|
| 1 | Ông Vũ Văn Hà | Chủ tịch | 67,87% | 1.696.958 | Là người đại diện phần vốn của Tập đoàn VINACOMIN (chiếm 67,87% vốn điều lệ) |
| 2 | Bà Nguyễn Đoan Trang | Ủy viên | 0,50% | 12.422 | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | Ủy viên | 0,21% | 5.254 | |

| | | | | | |
|---|--------------------|---------|-------|--------|--|
| 4 | Ông Hoàng Văn Lâm | Ủy viên | 2,05% | 51.362 | |
| 5 | Ông Trần Tất Thành | Ủy viên | 0,20% | 5.016 | |

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại - VINACOMIN không thành lập các tiểu ban.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao cho, Hội đồng quản trị đã triển khai phê duyệt kế hoạch năm 2014, các cơ chế quản trị chi phí, tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, phát huy dân chủ, nâng cao sức mạnh trí tuệ tập thể trong lãnh đạo, mối quan hệ giữa các ủy viên HĐQT, giữa HĐQT với cấp uỷ Đảng nhằm thực hiện nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, quy chế của Công ty.

Về quy trình làm việc: HĐQT luôn thực hiện nguyên tắc “Theo chế độ tập thể”. Các vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoặc giám sát của HĐQT đều được các thành viên chủ động nghiên cứu, thảo luận để đi đến thống nhất quyết nghị trước khi thực hiện.

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp trực tiếp và nhiều lần xin ý kiến bằng văn bản để thống nhất thông qua 35 Nghị quyết, ban hành 20 văn bản, quyết định các loại để triển khai các lĩnh vực hoạt động của Công ty và thực hiện vai trò quản lý, chỉ đạo, giám sát theo quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Cụ thể:

| ST T | Số NQ/QĐ | Ngày/tháng | Nội dung |
|----------|----------------------|------------|--|
| I | Nghị quyết | | |
| 1 | 01/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 07/01/2014 | V/v ủy quyền ký văn bản |
| 2 | 02/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 23/01/2014 | Về công tác cán bộ |
| 3 | 03/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 24/02/2014 | V/v quyết toán quỹ tiền lương năm 2013 |
| 4 | 04/2014/QĐ-VTTC-HĐQT | 04/03/2014 | V/v ủy quyền ký hợp đồng |
| 5 | 05/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 17/03/2014 | V/v chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2014 |
| 6 | 06/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 17/03/2014 | V/v ủy quyền ký hợp đồng |

| | | | |
|----|-----------------------|------------|---|
| 7 | 07/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 17/3/2014 | V/v phê duyệt hạn mức vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền ký hợp đồng |
| 8 | 08/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 17/3/2014 | V/v phê duyệt quy hoạch cán bộ kế cận 2014 |
| 9 | 09/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 28/03/2014 | V/v cử CB đi công tác nước ngoài |
| 10 | 10/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 08/04/2014 | V/v cử CB đi công tác nước ngoài |
| 11 | 11/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 10/04/2014 | V/v thành lập tổ giúp việc HĐQT t/hiện tái cơ cấu Công ty |
| 12 | 12/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 29/04/2014 | V/v thưởng viên chức quản lý năm 2013 |
| 13 | 13/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 05/05/2014 | V/v chi trả cổ tức năm 2013 |
| 14 | 14/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 14/05/2014 | V/v cử CB đi công tác nước ngoài |
| 15 | 14b/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 22/05/2014 | V/v cử CB đi công tác nước ngoài |
| 16 | 15/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 19/06/2014 | V/v chuẩn bị ĐHCĐ bất thường năm 2014 |
| 17 | 16/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 19/06/2014 | V/v phê duyệt phương án sắp xếp tổ chức, nhân sự một số phòng ban Công ty |
| 18 | 17/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 25/06/2014 | V/v phê duyệt mức chi trả phụ cấp 6 tháng đầu năm 2014 |
| 19 | 18/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 25/06/2014 | Về công tác bổ nhiệm cán bộ |
| 20 | 19/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 14/07/2014 | V/v phê duyệt ban hành các Quy chế quản lý nội bộ |
| 21 | 20/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 20/08/2014 | V/v phê duyệt ban hành Quy chế Khoán quản trị chi phí |
| 22 | 21/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 20/08/2014 | V/v CB nghỉ phép đi nước ngoài giải quyết việc riêng |
| 23 | 22/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 26/08/2014 | V/v phê duyệt bổ sung KH sửa chữa và mua sắm một số trang thiết bị cho 02 khách sạn |
| 24 | 23/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 28/08/2014 | V/v thành lập phòng DVTH Chi nhánh QNinh |
| 25 | 24/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 05/09/2014 | Về công tác cán bộ |

| | | | |
|-----------|----------------------|------------|---|
| 26 | 25/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 24/09/2014 | Phiên họp HĐQT Công ty ngày 24/09/2014 |
| 27 | 26/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 06/10/2014 | V/v ủy quyền ký văn bản |
| 28 | 27/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 10/10/2014 | V/v phê duyệt mức chi trả phụ cấp Quý III năm 2014 |
| 29 | 28/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 11/11/2014 | V/v phê duyệt bổ sung KD sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho khách sạn Vân Long |
| 30 | 29/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 19/11/2014 | V/v phê duyệt ban hành Quy chế quản lý CB |
| 31 | 30/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 01/12/2014 | V/v cử CB đi công tác nước ngoài |
| 32 | 31/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 01/12/2014 | V/v phê duyệt sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tiền lương trong Công ty |
| 33 | 32/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 12/12/2014 | V/v ban hành Quy chế tài chính và quản lý nợ trong Công ty |
| 34 | 33/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 24/12/2014 | V/v phê duyệt ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động trong Công ty |
| 35 | 34/2014/NQ-VTTC-HĐQT | 31/12/2014 | V/v phê duyệt mức chi trả phụ cấp HĐQT, BKS, TK Công ty năm 2014 |
| II | Quyết định | | |
| 1 | 12/QĐ-VTTC-HĐQT | 24/02/2014 | V/v duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2013 |
| 2 | 20/QĐ-VTTC-HĐQT | 24/03/2014 | V/v thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu |
| 3 | 21/QĐ-VTTC-HĐQT | 24/03/2014 | V/v thành lập Ban trừ bị ĐHCĐ thường niên 2014 |
| 4 | 26/QĐ-VTTC-HĐQT | 07/04/2014 | V/v phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ 2014, tầm nhìn 2020 |
| 5 | 28/QĐ-VTTC-HĐQT | 07/04/2014 | V/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài |
| 6 | 30/QĐ-VTTC-HĐQT | 10/04/2014 | V/v thành lập tổ giúp việc HĐQT thực hiện tái cơ cấu công ty |
| 7 | 31/QĐ-VTTC-HĐQT | 15/04/2014 | V/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài |
| 8 | 37/QĐ-VTTC-HĐQT | 29/04/2014 | V/v thưởng viên chức quản lý công ty năm 2013 |
| 9 | 39/QĐ-VTTC-HĐQT | 27/05/2014 | V/v cử CB đi công tác nước ngoài |
| 10 | 46/QĐ-VTTC-HĐQT | 20/06/2014 | V/v thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2014 |
| 11 | 48/QĐ-VTTC-HĐQT | 14/07/2014 | V/v ban hành Quy chế TĐKT |

| | | | |
|----|-----------------|------------|--|
| 12 | 49/QĐ-VTTC-HĐQT | 14/07/2014 | V/v thành lập Ban kiểm tra tư cách Đb tham dự ĐHCĐ bất thường năm 2014 |
| 13 | 50/QĐ-VTTC-HĐQT | 14/07/2014 | V/v ban hành Quy chế đối thoại |
| 14 | 53/QĐ-VTTC-HĐQT | 21/07/2014 | V/v ban hành Quy chế đầu tư và xây dựng |
| 15 | 56/QĐ-VTTC-HĐQT | 27/08/2014 | V/v ban hành Quy chế khoán quản trị chi phí |
| 16 | 68/QĐ-VTTC-HĐQT | 19/11/2014 | V/v ban hành quy chế quản lý cán bộ |
| 17 | 71/QĐ-VTTC-HĐQT | 01/12/2014 | V/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài |
| 18 | 73/QĐ-VTTC-HĐQT | 09/12/2014 | V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tiền lương |
| 19 | 77/QĐ-VTTC-HĐQT | 25/12/2014 | V/v ban hành Quy chế quản lý nợ |
| 20 | 78/QĐ-VTTC-HĐQT | 26/12/2014 | V/v ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động |

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và theo dõi, giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ hiện hành của Công ty và Nghị quyết của HĐQT.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

| STT | Hội đồng quản trị | Chức danh |
|-----|------------------------|-----------|
| 1 | Ông Vũ Văn Hà | Chủ tịch |
| 2 | Bà Nguyễn Đoan Trang | Ủy viên |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | Ủy viên |
| 4 | Ông Hoàng Văn Lâm | Ủy viên |
| 5 | Ông Trần Tất Thành | Ủy viên |

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| S TT | Ban kiểm soát | Chức danh | Tỷ lệ cổ phần biểu quyết | Số lượng cổ phần | Ghi chú |
|------|----------------|-----------|--------------------------|------------------|--------------|
| 1 | Hoàng Văn Kiệm | Trưởng | | | Đại diện cho |

| | | | | | |
|---|------------------|---------|--------|-----------|---|
| | | ban | 67,87% | 1.696.958 | Tập đoàn VINACOMIN (chiếm 67,87% vốn điều lệ) |
| 2 | Vương Ngọc Quảng | ủy viên | 0,11% | 2.696 | |
| 3 | Bùi Thanh Trường | ủy viên | 1,25% | 31.293 | |

2.2 Hoạt động của ban kiểm soát

a. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Năm 2014 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch làm việc và phân công nội dung công việc cho từng ủy viên BKS, thực hiện các cuộc họp về nội dung chương trình kế hoạch làm việc của Ban từng quý trong năm và nội dung đề cử đơn vị Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.

Thực hiện kiểm soát thường xuyên các chỉ đạo, hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp của HĐQT, thông qua các Nghị quyết của HĐQT trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014; Kiểm tra thực hiện và kết quả công tác điều hành của Ban điều hành Công ty trên cơ sở thực hiện các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

Tham dự họp các cuộc họp của HĐQT, dự họp sơ kết, tổng kết năm và các chuyên đề khi có điều kiện.

b. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của Công ty thông qua các cuộc kiểm tra:

| Biên bản | Ngày- tháng | Nội dung | Kết quả (thống nhất) |
|---------------------|----------------|---|----------------------------|
| 01/2014/BB-VTTC-BKS | 21/3/2014 | Kiểm tra và thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2013 | 100% |
| 02/2014/BB-VTTC-BKS | 27/5/2014 | Kiểm tra và thông qua kết quả hoạt động SXKD quý I năm 2014 | 100% |
| 03/2014/BB-VTTC-BKS | 15/8/2014 | Kiểm tra và thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng năm 2014 | 100% |
| 04/2014/BB-VTTC-BKS | 20/11/2014 | Kiểm tra và thông qua kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2014 | 100% |

Các chỉ tiêu về doanh thu, giá trị sản xuất, lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức, thu nhập của người lao động đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 Công ty giao HĐQT, Giám đốc Công ty đều thực hiện đạt $\geq 100\%$.

Chỉ tiêu Đầu tư XDCB năm 2014 Công ty thực hiện 396 triệu đồng, bằng 49,50% kế hoạch; thực hiện đầu tư máy giặt công nghiệp phục vụ kinh doanh – Chi nhánh Vân long với giá trị 396 triệu đồng.

Nguyên nhân: năm 2014 có 02 hạng mục chưa thật sự cần thiết, không trực tiếp cho SXKD nên Công ty chưa triển khai thực hiện là biển quảng cáo khách sạn Vân Long: 100 triệu và trang thiết bị cho văn phòng công ty: 300 triệu.

Công ty đã thực hiện hoàn thành tiến độ tái cơ cấu Công ty, giảm tỷ lệ nắm giữ vốn Tập đoàn tại Công ty xuống còn 36%.

Năm 2014 HĐQT chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn vốn trong hoạt động đầu tư cũng như kinh doanh của Công ty thông qua kế hoạch, Nghị quyết của HĐQT. Đối với những hợp đồng kinh doanh hoặc các khoản vay vốn vượt quá 50% tổng giá trị tài sản của Công ty, Công ty đều thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật nhà nước và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trước khi thông qua Nghị quyết triển khai thực hiện, tại thời điểm 31/12/2014; qua số liệu kết quả tài chính Ban kiểm soát nêu rõ thêm để các Cổ đông biết rõ:

Hàng tồn kho: Đầu năm tồn 71.832 triệu đồng, cuối năm 2014 còn tồn: 113.725 triệu đồng, tăng 41.893 triệu đồng, trong đó chủ yếu tồn kho lớp 102 tỷ phục vụ các Công ty than theo kế hoạch và xút 7 tỷ đồng phục vụ dự án Nhôm Lâm Đồng. Tuy nhiên không có hàng kém chất lượng, tồn kho lâu ngày.

Chi phí trả trước dài hạn: cuối năm dư 24.515 triệu đồng, tăng 724 triệu đồng so với đầu năm, do Công ty thực hiện chi phí sửa chữa TSCĐ 1.782 triệu đồng, mua sắm bổ sung một số công cụ, dụng cụ phục vụ SXKD giá trị 3.184 triệu đồng, nhằm cải tạo nâng cấp chất lượng dịch vụ buồng phòng tại khách sạn Vân Long và Biển Đông, Công ty thực hiện phân bổ chi phí trên với thời gian 24 tháng.

Chi phí dự phòng phải trả ngắn hạn chưa sử dụng tại ngày 31/12/2014 với giá trị: 16.813 triệu đồng, tăng so với đầu năm 1.723 triệu đồng là số tiền dự phòng chi phí bảo hành vật tư, thiết bị đã tiêu thụ trong năm của Công ty.

Như vậy Công ty kiểm soát tốt tình hình tài chính, kết quả tài chính lành mạnh, nguồn vốn được đảm bảo phục vụ kinh doanh và đầu tư; bảo toàn và phát triển vốn của các Cổ đông giao cho

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, thu nhập của người lao động được đảm bảo so với năm trước, phương án phân phối lợi nhuận, cổ tức đảm bảo đúng với tinh thần Đại hội đồng cổ đông.

Quản lý Công nợ phải thu: Trích lập dự phòng nợ phải thu giảm 1.102 triệu đồng do trong năm Công ty đã hoàn nhập dự phòng khoản nợ quá hạn của Công ty CROMIT Cổ định đã trích lập đến thời điểm cuối năm trước do đã thu hồi được hết số công nợ quá hạn.

Số trích lập dự phòng phải thu còn lại đến thời điểm cuối năm là 429 triệu đồng là khoản trích lập đủ 100% công nợ của Công ty CP Bình Nguyên là 387 triệu đồng và Doanh nghiệp tư nhân Linh Đức là 42 triệu đồng.

c. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

Ban Kiểm soát thường xuyên thực hiện vai trò giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty, ban lãnh đạo điều hành Công ty và các chức danh quản lý khác trong Công ty thông qua các Quy chế quản lý nội bộ, các báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh - đầu tư - quản lý tiền lương, lao động - quản trị chi phí - quyết toán tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm, các nghị quyết, quyết định sắp xếp tổ chức - nhân sự... ; thông qua các tài liệu của HĐQT, Ban điều hành Công ty, tài liệu kiểm tra quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức kiểm toán độc lập hàng năm; Qua quá trình giám sát đánh giá nhận xét cụ thể:

- Nhận thấy năm 2014 HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo quyết liệt trong điều hành, kịp thời đưa ra nhiều giải pháp phù hợp với thực tế Công ty ngay từ đầu năm; với sự nỗ lực của mọi người lao động trong Công ty. Do đó kết thúc năm, mọi chỉ tiêu trong kế hoạch tại ĐHCĐ thường niên của năm 2014 đều được hoàn thành trên 100%, tỷ lệ chi trả cổ tức, thu nhập của người lao động được đảm bảo.

- Giám đốc và tập thể lãnh Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, với tinh thần trách nhiệm cao, lắng nghe, đi sâu đi sát trong công tác quản lý và đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, mang lại hiệu quả rõ rệt trong quá trình chỉ đạo điều hành chung. Luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống, tâm tư nguyện vọng của người lao động.

d. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2014, mọi hoạt động của HĐQT, Giám đốc công ty, Ban Kiểm soát về cơ bản đã nắm được sự điều hành thông qua các quyết định, nghị quyết của HĐQT, giám đốc Công ty như đã nêu trên.

Về quy trình làm việc: HĐQT luôn thực hiện nguyên tắc “Theo chế độ tập thể”. Các vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoặc giám sát của HĐQT đều được từng thành viên chủ động nghiên cứu, thảo luận để đi đến thống nhất và quyết định thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, giám đốc điều hành còn thông qua: mọi văn bản từ tờ trình, báo cáo, quyết định của giám đốc cũng như của HĐQT Công ty đều được gửi tới các thành viên của Ban kiểm soát Công ty; mọi cuộc họp của HĐQT và Ban giám đốc về điều hành hàng quý hoặc theo chuyên đề, Ban kiểm soát đều được mời tham dự hoặc được nhận kết quả qua báo cáo; từ những mối quan hệ trong quá trình làm việc, dự các cuộc họp và thông qua các báo cáo Nghị quyết HĐQT, của giám đốc Công ty đã tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát nắm bắt kịp thời tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty năm 2014.

Từ kết quả sự phối hợp trên trong năm, Ban kiểm soát đã có điều kiện thực hiện kiểm tra, nắm bắt thường xuyên: hoạt động quản lý của HĐQT và Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thẩm định báo cáo tài chính năm 2014, tình hình tài chính của Công ty qua công tác quản lý, các chỉ tiêu

về tài chính, công nợ; tình hình thực hiện kế hoạch; tính tuân thủ pháp luật trong hoạt động quản lý của Công ty một cách kịp thời.

e. Những tồn tại cần được quan tâm giải quyết:

HDQT chỉ đạo Công ty giải quyết dứt điểm khoản công nợ phải thu khó đòi quá hạn thanh toán của Công ty CP Bình Nguyên là 387 triệu đồng và Doanh nghiệp tư nhân Linh Đức là 42 triệu đồng (mặc dù Công ty đã trích lập dự phòng bằng 100% giá trị khoản phải thu khó đòi).

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.

| TT | Họ và tên | Chức danh | Lương | Phụ cấp | Tiền thưởng | Tổng cộng |
|------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | 285.600.000 | 90.558.796 | 376.158.796 |
| 1 | Vũ Văn Hà | Chủ tịch HDQT | | 64.800.000 | 4.860.000 | 69.660.000 |
| 2 | Nguyễn Đoan Trang | Ủy viên HDQT - GĐ | | 55.200.000 | 33.748.228 | 88.948.228 |
| 3 | Trần Tất Thành | Ủy viên HDQT - PGĐ | | 55.200.000 | 19.124.227 | 74.324.227 |
| 4 | Hoàng Văn Lâm | Ủy viên HDQT - Trợ lý GĐ | | 55.200.000 | 4.140.000 | 59.340.000 |
| 5 | Nguyễn Thị Kim Oanh | Ủy viên HDQT - PGĐ | | 55.200.000 | 28.686.341 | 83.886.341 |
| II | Ban kiểm soát | | | 165.600.000 | 11.700.000 | 177.300.000 |
| 1 | Hoàng Văn Kiêm | Trưởng ban | | 55.200.000 | 4.140.000 | 59.340.000 |
| 2 | Vương Ngọc Quảng | Ủy viên | | 55.200.000 | 3.780.000 | 58.980.000 |
| 3 | Bùi Thanh Trường | Ủy viên | | 55.200.000 | 3.780.000 | 58.980.000 |
| III | Ban Giám đốc | | 1.596.163.793 | | 13.321.136 | 1.609.484.929 |
| 2 | Nguyễn Đoan Trang | Giám đốc | 436.844.828 | | | 436.844.828 |
| 3 | Trần Tất Thành | Phó giám đốc | 386.439.655 | | | 386.439.655 |
| 4 | Nguyễn Thanh Tùng | Phó giám đốc | 386.439.655 | | 13.321.136 | 399.760.791 |
| 5 | Nguyễn Thị Kim Oanh | Phó giám đốc | 386.439.655 | | | 386.439.655 |

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

3.3 Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty thực hiện đúng, đủ các quy định về quản trị trong điều hành sản xuất kinh doanh.

VI. Báo cáo tài chính

1. Đơn vị kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán BDO

- Địa chỉ : Tầng 20 toà nhà ICOM 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại : 04.37833911/12/13

Fax: 04.37833914

- Email: bdo.hn@bdo.vn

- Website: www.bdo.vn

2. Ý kiến Kiểm toán độc lập:

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin được lập ngày 19/03/2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

- Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo Tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Trách nhiệm của kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu nhập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này Kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích

đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc lựa chọn cũng như đánh giá tổng thể việc trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

- Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

- Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng Báo cáo kiểm toán số 63/2015/BCKT-BDO phát hành ngày 23/03/2015 là Báo cáo kiểm toán thay thế cho Báo cáo kiểm toán đã phát hành số 49/2015/BCKT-BDO ngày 13/03/2015, điều chỉnh tăng quỹ lương của Ban điều hành Công ty thêm 279.000.000 đồng theo Công văn số 1104/TKV-LĐTL ngày 17/03/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo Tài chính năm 2014 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO kiểm toán và được đăng toàn văn trên trang website của công ty.

Địa chỉ: www.vinacoaltour.vn

Tại danh mục: Quan hệ cổ đông



Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2015

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Doan Trang